

Ranking inicial

No.		Nombre	FIDE-ID	FED	Elo	sexo	Tipo	Gr
1	CM	Lê, Phan Hoàng Quân	12432881	VIE	2282		U11	x
2		Nguyễn, Huỳnh Tuấn Hải	12402923	VIE	2178			x
3	CM	Trần, Võ Quốc Bảo	12425184	VIE	2168			
4	ACM	Bùi, Quang Huy	12431265	VIE	2121		U13	
5	AFM	Phan, Hoàng Bách	12450626	VIE	1933		U13	
6		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1809	w		x
7		Dương, Ngọc Ngà	12429252	VIE	1781	w	U13	
8		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1771		U11	x
9		Nguyễn, Đức Khải	12436224	VIE	1744		U13	
10		Lê, Huy Bằng	12460044	VIE	1636		U11	
11		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1616		U13	
12	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1599		S35	x
13		Lê, Hồng Ân	12446769	VIE	1565	w	U09	x
14		Lê, Nguyễn Minh Nghĩa	12476447	VIE	1563		U11	
15	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1515		U07	c
16		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1410	w	U11	
17	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	0		U09	

Encontrará todos los detalles del torneo en <https://chess-results.com/tnr1491796.aspx?lan=2>

Servidor de Resultados de Torneos de Ajedrez : Chess-Results